

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Khắc Tạo.

2. Bà Lê Thị Hồng Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đỗ Xuân C, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Trần Hoài P, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Đỗ Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Hoài P sau thời gian tìm hiểu, yêu thương tự nguyện đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và sau đó có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2016 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị không cùng tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế, xây dựng gia đình. Anh và chị P đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, anh C xác định không thể tiếp tục chung sống được với chị Phương do không còn tình cảm với chị, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phương.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P có 02 con chung là Đỗ Phương U, sinh ngày 05/5/2007 và Đỗ Khánh C, sinh ngày 28/7/2012. Khi ly hôn, anh C xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Trần Hoài P phải cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, sau đó anh C thay đổi yêu cầu, anh đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo nguyện vọng của các con anh. Hiện nay, anh C đang làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi các con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Đỗ Xuân C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Hoài P vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân C về việc ly hôn với chị Trần Hoài P.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đỗ Phương U, sinh ngày 05/5/2007 cho anh Đỗ Xuân C và cháu Đỗ Khánh

C, sinh ngày 28/7/2012 cho chị Trần Hoài P trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P, anh C vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của anh C, chị P không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Đỗ Xuân C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Trần Hoài P có địa chỉ cư trú tại Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2006, anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C và chị P đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị P không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho anh C được ly hôn với chị P là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Xuân C, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P có 02 con chung là Đỗ Phương U, sinh ngày 05/5/2007 và Đỗ Khánh C, sinh ngày 28/7/2012. Khi ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của các con để giải quyết, anh C đang làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng – 8.000.000 đồng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi

con. Xét thấy, cháu Đỗ Phương U và cháu Đỗ Khánh C hiện nay đều đã trên 7 tuổi, tại biên bản ghi nguyện vọng của các con chung, cháu Đỗ Phương U có nguyện vọng muốn được ở cùng bố là anh Đỗ Xuân C, cháu Đỗ Phương C có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ là chị Trần Hoài P. Theo kết quả xác minh hiện nay chị P đang đi làm ăn xa nhưng chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Đỗ Khánh C, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về để nuôi con, bố của chị P là ông Trần Mạnh H trình bày trường hợp Toà án giao con chung cho chị P nuôi dưỡng thì gia đình ông sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy các cháu. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho anh Đỗ Xuân C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Phương U, sinh ngày 05/5/2007; chị Trần Hoài P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đỗ Khánh C, sinh ngày 28/7/2012. Anh C, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Đỗ Xuân C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Xuân C
- Xử cho nguyên đơn anh Đỗ Xuân C được ly hôn với bị đơn chị Trần Hoài P.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Phương U, sinh ngày 05/5/2007 cho anh Đỗ Xuân C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đỗ Khánh C, sinh ngày 28/7/2012 cho chị Trần Hoài P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Xuân C và chị Trần Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đỗ Xuân C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh C đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0004667, ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết